TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ B** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **252**/2019/HS-ST
Ngày 11-6-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B – TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phú

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Nhạn

2. Bà Thiều Thị Phi Loan

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Quang Minh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tham gia phiên tòa*:** Ông Phạm Như Nên – Kiểm sát viên.

Trong ngày 11 tháng 6 năm 2019, tại Hội trường Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 204/2019/TLST-HS ngày 02 tháng 5 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 208/2019/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 5 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 343/2019/HSST-QĐ ngày 28 tháng 05 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Lê Văn T (C), sinh năm 1992, tại tỉnh Đồng Nai; Nơi đăng ký thường trú và nơi cư trú: 238D/5, tổ 10, khu phố 2, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Thiên chúa; Giới tính: Nam; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 7/12; Con ông Lê Văn S (đã chết) và bà Đỗ Thị N, sinh năm 1959; Có vợ là Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1996; Có 02 con đều sinh năm 2016; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 26/11/2018, đến ngày 05/12/2018 được thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng cấm đi khỏi nơi cư trú theo Lệnh số: 08 ngày 05 tháng 12 năm 2018 của Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an thành phố B; có mặt tại phiên tòa.

2. Phạm Văn T1, sinh năm 1979 tại tỉnh H; Nơi đăng ký thường trú và nơi cư trú: tổ 7, khu phố 2, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Nghề nghiệp: Thợ hồ; Trình độ văn hóa: 7/12; Con ông Phạm Văn Đ, sinh năm 1960 và bà Nguyễn Thị

B, sinh năm 1960; Có vợ là Trần Thị L, sinh năm 1977; Có 02 con, con lớn nhất sinh năm 2002, con nhỏ nhất sinh năm 2008; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 26/11/2018, đến ngày 05/12/2018 được thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng cấm đi khỏi nơi cư trú theo Lệnh số: 11 ngày 05 tháng 12 năm 2018 của Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an thành phố B; có mặt tại phiên tòa.

3. Phạm Văn U, sinh năm 1974 tại tỉnh Hưng Yên; Nơi đăng ký thường trú và nơi cư trú: 247/5, khu phố 2, phường Tân Biên, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Thiên chúa; Giới tính: Nam; Nghề nghiệp: Thợ xây dựng; Trình độ văn hóa: 6/12; Con ông Phạm Văn K (đã chết) và bà Nguyễn Thị M sinh năm 1951; Có vợ là Phan Thị M1, sinh năm 1980 (đã chết); Có 02 con, con lớn nhất sinh năm 2000, con nhỏ nhất sinh năm 2005; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 26/11/2018, đến ngày 05/12/2018 được thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng cấm đi khỏi nơi cư trú theo Lệnh số: 10 ngày 05 tháng 12 năm 2018 của Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an thành phố B; có mặt tại phiên tòa.

4. Nguyễn Văn T2 (P), sinh năm 1991 tại tỉnh Đồng Nai; Nơi đăng ký thường trú và nơi cư trú: 69/4, tổ 10, khu phố 2, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Nghề nghiệp: Thợ cơ khí; Trình độ văn hóa: 8/12; Con ông Nguyễn Văn H1 (đã chết) và bà Nguyễn Thị B1 sinh năm 1960; Chưa có vợ con; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 26/11/2018, đến ngày 05/12/2018 được thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng cấm đi khỏi nơi cư trú theo Lệnh số: 09 ngày 05 tháng 12 năm 2018 của Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an thành phố B; có mặt tại phiên tòa.

5. Ngô Văn D, sinh năm 1972 tại tỉnh Hưng Yên; Nơi đăng ký thường trú: 108, đường Đ, khu phố 5, phường V, thành phố H, tỉnh Hải Hương; Nơi cư trú: 214, tổ 51, khu phố 4, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Thiên chúa; Giới tính: Nam; Nghề nghiệp: Làm rau; Trình độ văn hóa: 6/12; Con ông Ngô Văn T3 (đã chết) và bà Nguyễn Thị T sinh năm 1929; Có vợ là Hoàng Thị M2, sinh năm 1974; Có 03 con, con lớn nhất sinh năm 1999, con nhỏ nhất sinh năm 2005; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 26/11/2018, đến ngày 05/12/2018 được thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng cấm đi khỏi nơi cư trú theo Lệnh số: 12 ngày 05 tháng 12 năm 2018 của Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an thành phố B; có mặt tại phiên tòa.

6. Bùi Hoàn V, sinh năm 1978 tại tỉnh Bình Dương; Nơi đăng ký thường trú và nơi cư trú: 214C/3, khu phố 8B, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai;

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Thiên chúa; Giới tính: Nam; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ văn hóa: 9/12; Con ông Bùi Viết V1, sinh năm 1947 và bà Nguyễn Thị Đ1, sinh năm 1949; Có vợ là Đặng Thị L1, sinh năm 1989; Có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2010, con nhỏ nhất sinh năm 2017; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 26/11/2018, đến ngày 05/12/2018 được thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng cấm đi khỏi nơi cư trú theo Lệnh số: 13 ngày 05 tháng 12 năm 2018 của Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an thành phố B; có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 17 giờ 30 ngày 26/11/2018, tại lầu 1 nhà không số thuộc tổ 13, khu phố 2, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (do Lê Thị T5 làm chủ và T5 đi vắng), Lê Văn T (em trai của T5) rủ Nguyễn Văn T2 (P), Phạm Văn T1, Bùi Hoàn V, Phạm Văn U, Ngô Văn D và một số đối tượng (không rõ lai lịch) đánh bạc thắng thua bằng tiền bằng hình thức xóc đĩa. Lê Văn T và những người tham gia đánh bạc thỏa thuận thu tiền xâu với số tiền từ 20.000đ (Hai mươi nghìn đồng) đến 50.000đ (Năm mươi nghìn đồng)/người/giờ để phục vụ mua thức ăn cho những người tham gia đánh bạc ăn uống.

Cách thức đánh bạc như sau: Lê Văn T và Nguyễn Văn T2 chuẩn bị 04 (bốn) bài vị hình tròn (được cắt từ lá bài tây 52 lá), đường kính khoảng 02cm, mỗi quân vị có hai mặt, một mặt màu trắng, một mặt màu đen, 01 (một) bộ chén đĩa. Trong quá trình đánh bạc không có người cầm cái. Người xóc sẽ cho 04 (bốn) quân vị vào đĩa và lấy chén đậy kín lại, cầm lên lắc nhiều lần rồi đặt xuống. Người chơi chọn bên chẵn hoặc bên lẻ để đặt tiền từ 50.000đ (Năm mươi nghìn đồng) đến 100.000đ (Một trăm nghìn đồng)/ván, người xóc cũng tham gia đặt cược bên chẵn hoặc lẻ tùy ý như các con bạc khác và cân đối số tiền hai bên chẵn, lẻ bằng nhau. Số tiền đặt cược của tất cả những người chơi mỗi ván khoảng từ 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) đến 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng). Khi mở chén, mặt trên của các quân vị cùng màu là chẵn, những người đặt cược bên chẵn thắng được số tiền của người đặt bên lẻ và ngược lại.

Trong quá trình đánh bạc, Lê Văn T là người xóc đĩa, cân đối tiền giữa hai bên chẵn, lẻ và đặt cược tiền cùng tham gia đánh bạc với các con bạc khác. Số tiền từng người sử dụng đánh bạc cụ thể như sau:

- Lê Văn T sử dụng 1.000.000đ (Một triệu đồng) để đánh bạc. Quá trình đánh bạc Lê Văn T thua 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng). Khi bị phát hiện thu giữ trên người Lê Văn T số tiền 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng) sử dụng để đánh bạc.

- Phạm Văn T1 sử dụng 2.020.000đ (Hai triệu không trăm hai mươi nghìn đồng) để đánh bạc. Quá trình đánh bạc, Tấn thua 100.000đ (Một trăm nghìn đồng), nộp xâu cho Lê Văn T 20.000đ (Hai mươi nghìn đồng). Khi bị phát hiện

thu giữ trên người T1 số tiền 1.900.000đ (Một triệu chín trăm nghìn đồng) sử dụng để đánh bạc.

- Phạm Văn U sử dụng 1.800.000đ (Một triệu tám trăm nghìn đồng) để đánh bạc. Quá trình đánh bạc, U thua 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng). Khi bị phát hiện thu giữ trên người U số tiền 1.600.000đ (Một triệu sáu trăm nghìn đồng) sử dụng để đánh bạc. U chưa nộp tiền xâu.

- Bùi Hoàn V sử dụng 850.000đ (Tám trăm năm mươi nghìn đồng) để đánh bạc. Quá trình đánh bạc, V thua 750.000đ (Bảy trăm năm mươi nghìn đồng), nộp xâu cho Lê Văn T 70.000đ (Bảy mươi nghìn đồng), còn lại 80.000đ (Tám mươi nghìn đồng) V vừa đặt cược 50.000đ (năm mươi nghìn đồng) xuống chiếu bạc và cầm trên tay 30.000đ (Ba mươi nghìn đồng) thì bị phát hiện V ném xuống chiếu bạc bị thu giữ.

- Nguyễn Văn T2 sử dụng 700.000đ (bảy trăm nghìn đồng) để đánh bạc. Quá trình đánh bạc Nguyễn Văn T2 thắng 50.000đ (Năm mươi nghìn đồng) vừa đặt cược 50.000đ xuống chiếu bạc bị thu giữ. Khi bị phát hiện thu giữ trên người Nguyễn Văn T2 số tiền 700.000đ (Bảy trăm nghìn đồng) sử dụng để đánh bạc. Nguyễn Văn T2 chưa nộp tiền xâu.

- Ngô Văn D sử dụng 600.000đ (Sáu trăm nghìn đồng) để đánh bạc. Quá trình đánh bạc, D thua 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng) còn 100.000đ (Một trăm nghìn đồng) vừa đặt cược xuống chiếu bạc thì bị phát hiện thu giữ. D chưa nộp tiền xâu.

- Tổng số tiền xâu Lê Văn T thu được ngày 26/11/2018 là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), Lê Văn T đã đưa cho Nguyễn Văn T2 mua thức ăn, nước uống phục vụ cho các con bạc hết.

Lê Văn T, Nguyễn Văn T2, Phạm Văn U, Ngô Văn D, Phạm Văn T1 và Bùi Hoàn V cùng một số đối tượng (không rõ lai lịch) tham gia đánh bạc liên tục đến 20 giờ 45 phút cùng ngày thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B phối hợp cùng Công an phường T, thành phố B phát hiện bắt quả tang, thu giữ số tiền dùng vào việc đánh bạc là 14.400.000đ (Mười bốn triệu bốn trăm nghìn đồng), một số đối tượng (chưa rõ lai lịch) bỏ chạy thoát.

Quá trình điều tra Lê Văn T, Nguyễn Văn T2 khai: Vào ngày 25/11/2016 cũng tại địa điểm nêu trên, cả hai tham gia đánh bạc với những con bạc khác (không rõ lai lịch) nhưng không xác định được số tiền sử dụng để đánh bạc.

(Biên bản phạm tội quả tang, bút lục số 01 đến 03;

Lời khai các bị can, bút lục số: 109 đến 113, 122 đến 126, 138 đến 142, 151 đến 153, 160 đến 164, 175 đến 177, 235 đến 241;

Lời khai người làm chứng, người chứng kiến, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, bút lục số: 179 đến 184)

* Vật chứng vụ án:

- 04 (bốn) bài vị hình tròn (được cắt từ lá bài tây 52 lá), 01 (một) đĩa, 01 (một) chén các bị can sử dụng để đánh bạc.

(Bút lục số 03).

- Thu giữ số tiền sử dụng vào việc đánh bạc tổng cộng là: 14.400.000đ (Mười bốn triệu bốn trăm mười nghìn đồng), gồm:

+ 9.700.000.000đ (Chín triệu bảy trăm nghìn đồng) trên chiếu bạc (bút lục số 03).

+ 1.900.000đ (Một triệu chín trăm nghìn đồng) của Phạm Văn T1 (bút lục số 03).

+ 700.000đ (Bảy trăm nghìn đồng) của Nguyễn Văn T2 (bút lục số 03).

+ 1.600.000đ (Một triệu sáu trăm nhìn đồng) của Phạm Văn U (bút lục số 03).

+ 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng) của Lê Văn T (bút lục số 03).

* Tài sản khác không liên quan đến đánh bạc, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B đã thu giữ và giao trả cho chủ sở hữu, gồm:

+ 01 (một) xe mô tô biển số 60F1-902.98 cho chị Nguyễn Thị T6 (xe của chị T6 gửi nhờ nhà chị T5) (bút lục số 182, 191).

+ 01 (một) xe mô tô biển số 60F2-652.30 cho chị Mai Ngọc H2 (xe của chị H2 gửi nhờ tại nhà chị T5) (bút lục số 182, 192).

+ 01 (một) xe mô tô biển số 60F5-1421 và 01 (một) điện thoại di động Nokia cho Phạm Văn T1 (Bút lục số 189, 193).

+ 01 (một) xe mô tô biển số 60K5-5827 và 01 (một) điện thoại di động Masstel cho Phạm Văn U (Bút lục số 03, 188, 194).

+ 01 (một) xe mô tô biển số 60F2-814.20 và 01 (một) điện thoại di động Vivo cho Bùi Hoàn V (Bút lục số 186, 195).

+ 01 (một) xe mô tô biển số 60F4-6875 và 01 (một) điện thoại di động Nokia cho Ngô Văn D (Bút lục số 185, 196).

+ 01 (một) xe mô tô biển số 60FC-3842 và 01 (một) điện thoại di động Sam Sung Galaxy S3 cho Nguyễn Văn T2 (Bút lục số 187, 197).

+ 01 (một) xe mô tô biển số 60B1-573.74 cho anh Phạm Văn S1 (xe của anh S1 gửi nhờ tại nhà chị T5) (Bút lục số 184, 198).

+ 01 (một) điện thoại di động Iphone 6S cho Lê Văn T (Bút lục số 190).

Bản cáo trạng số: 179/CT-VKSBH-HS ngày 08 tháng 4 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai truy tố các bị cáo Lê Văn T, Nguyễn Văn T2 (P), Phạm Văn T1, Bùi Hoàn V, Phạm Văn U, Ngô Văn D về tội: "Đánh bạc" quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như Cáo trạng đã mô tả và truy tố.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B phát biểu luận tội vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 35 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017):

Xử phạt bị cáo Lê Văn T 25.000.000 đồng – 35.000.000 đồng.

Xử phạt bị cáo Phạm Văn T1 20.000.000 đồng – 25.000.000 đồng.

Xử phạt bị cáo Phạm Văn U 20.000.000 đồng – 25.000.000 đồng.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T2 20.000.000 đồng – 25.000.000 đồng. Xử phạt bị cáo Ngô Văn D 20.000.000 đồng – 25.000.000 đồng.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 35 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017):

Xử phạt bị cáo Bùi Hoàn V 20.000.000 đồng – 25.000.000 đồng.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Đề nghị xử lý vật chứng và buộc các bị cáo chịu án phí theo quy định.

Các bị cáo nói lời sau cùng: các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự; các văn bản tố tụng được tống đạt hợp lệ và đầy đủ. Quá trình điều tra, các bị cáo không người nào có ý kiến hoặc khiếu nại hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội, lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra và các tài liệu chứng cứ thu thập được có tại hồ sơ vụ án. Đã có đủ cơ sở kết luận:

Vào ngày 26/11/2018, tại lầu 1 nhà không số thuộc tổ 13, khu phố 2, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai do Lê Thị T5 làm chủ, Lê Văn T (em ruột của T5) rủ Nguyễn Văn T2 (P), Phạm Văn T1, Bùi Hoàn V, Phạm Văn U, Ngô Văn D và một số đối tượng (không rõ lai lịch) đánh bạc thắng thua bằng tiền bằng hình thức xóc đĩa với số tiền dùng vào việc đánh bạc là 14.400.000đ (Mười bốn triệu bốn trăm nghìn đồng).

Hành vi của các bị cáo đã phạm tội "Đánh bạc", tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Do đó, Viện kiểm sát nhân dân thành phố B truy tố các bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Các bị cáo biết rõ hành vi đánh bạc bằng hình thức "xóc đĩa" là trái pháp luật, nhưng vì coi thường pháp luật nên vẫn cố tình thực hiện. Hành vi "Đánh bạc" của các bị cáo là tệ nạn xã hội, xâm phạm trực tiếp đến trật tự công cộng và ảnh hưởng xấu đến cuộc sống bình thường của nhiều gia đình, gây mất trật tự xã hội tại địa phương nên cần có một mức án tương xứng với hành vi phạm tội để răn đe, phòng ngừa chung.

Trong vụ án này, Lê Văn T là người rủ rê và thực hiện tích cực hành vi phạm tội nên hình phạt cao hơn các bị cáo khác. Nguyễn Văn T2 (P), Phạm Văn T1, Bùi Hoàn V, Phạm Văn U, Ngô Văn D là người thực hiện hành vi đánh bạc nên phải chịu mức hình phạt tương đương nhau, trong đó bị cáo Bùi Hoàn V có nhân thân xấu (năm 1996 bị Tòa án nhân dân thành phố B xử phạt 06 tháng tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản công dân") lại tiếp tục phạm tội nên mức hình phạt phải cao hơn các bị cáo còn lại để răn đe, giáo dục bị cáo.

Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thì thấy:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: các bị cáo không có tiền án, tiền sự nên không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52 của Bộ luật hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; các bị cáo Lê Văn T, Nguyễn Văn T2, Phạm Văn T1, Phạm Văn U, Ngô Văn D phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Bùi Hoàn V là quân nhân xuất ngũ, nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Đối với hành vi đánh bạc của Lê Văn T và Nguyễn Văn T2 vào ngày 25/11/2018. Kết quả điều tra không chứng minh được số tiền dùng vào việc đánh bạc nên không có căn cứ để xử lý.

Đối với Lê Thị T5 là chủ sở hữu nhà không số thuộc tổ 13, khu phố 2, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai: Tại phiên tòa các bị cáo khai khi đánh bạc T5 không có mặt ở nhà, không biết các bị cáo sử dụng nhà để đánh bạc. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, Lê Thị T5 khai khi đánh bạc T5 không có mặt ở nhà, không biết việc Lê Văn T (em trai T5) sử dụng nhà làm địa điểm để đánh bạc nên cơ quan cảnh sát điều tra không xử lý đối với T5 là đúng quy định.

[3] Xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy: 04 (bốn) bài vị hình tròn (được cắt từ lá bài tây 52 lá), 01 (một) đĩa, 01 (một) chén là dụng cụ các bị cáo sử dụng để đánh bạc.

- Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước số tiền: 14.400.000đ (Mười bốn triệu bốn trăm nghìn đồng) của các bị cáo dùng vào việc đánh bạc.

[4] Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; các bị cáo Lê Văn T, Nguyễn Văn T2 (P), Phạm Văn T1, Bùi Hoàn V, Phạm Văn U, Ngô Văn D mỗi người phải chịu 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Lê Văn T (C), Nguyễn Văn T2 (P), Phạm Văn T1, Bùi Hoàn V, Phạm Văn U, Ngô Văn D phạm tội: "Đánh bạc".

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 35 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017):

Xử phạt bị cáo **Lê Văn T (C)** 25.000.000 đồng (Hai mươi lăm triệu đồng).

Xử phạt bị cáo **Phạm Văn T1** 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng).

Xử phạt bị cáo **Phạm Văn U** 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng).

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn T2 (P)** 20.000.000 (Hai mươi triệu đồng).

Xử phạt bị cáo **Ngô Văn D** 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng).

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 35 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017):

Xử phạt bị cáo **Bùi Hoàn V** 22.000.000 đồng (Hai mươi hai triệu đồng).

2. Về xử lý vật chứng:

- Tịch thu tiêu hủy: 04 (bốn) bài vị hình tròn (được cắt từ lá bài tây 52 lá), 01 (một) đĩa, 01 (một) chén là dụng cụ các bị cáo sử dụng để đánh bạc

(Các vật chứng nêu trên được thể hiện tại Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 20/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố B).

- Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước số tiền: 14.400.000đ (Mười bốn triệu bốn trăm nghìn đồng) của các bị cáo dùng vào việc đánh bạc.

(theo Biên lai thu tiền số 000208 ngày 20/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố B).

3. Về án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo Lê Văn T (C), Nguyễn Văn T2 (P), Phạm Văn T1, Bùi Hoàn V, Phạm Văn U, Ngô Văn D mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) án phí.

4. Quyền kháng cáo:

Các bị cáo Lê Văn T (C), Nguyễn Văn T2 (P), Phạm Văn T1, Bùi Hoàn V, Phạm Văn U, Ngô Văn D được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Các bị cáo;
- Viện Kiểm sát nhân dân thành phố B;
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Văn phòng Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an thành phố B;
- Cơ quan Cảnh sát điều tra tội phạm về Trật tự xã hội – Công an thành phố B;
- Cơ quan Thi hành án hình sự – Công an thành phố B;
- Phòng Hồ sơ nghiệp vụ - Công an thành phố B;
- Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố B;
- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Phú

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán**